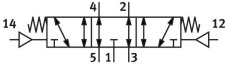


# Van điện từ VSNC-F-P53E-M-G14-P2

Số bộ phận: 8114684



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                       |
|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/3 được thông khí                                            |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                          |
| Chiều rộng lắp đặt                                         | 32 mm                                                         |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 1050 l/ph                                                     |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | cổng kết nối cho van NAMUR                                    |
| Điện áp vận hành                                           | thông qua cuộn điện từ, được đặt hàng riêng                   |
| Áp suất vận hành                                           | 0.3 MPA...0.8 MPA<br>3 bar...8 bar                            |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                                          |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                                                  |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                                              |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                           |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                        |
| Tuân theo tiêu chuẩn                                       | VDI/VDE 3845 (NAMUR)                                          |
| Nút ghi đè                                                 | không                                                         |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                              |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | trong                                                         |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                           |
| Xếp chồng                                                  | gối chống dương                                               |
| giá trị b                                                  | 0.4                                                           |
| Giá trị C                                                  | 4.4 l/s*bar                                                   |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 9 ms                                                          |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 6 ms                                                          |
| Thời gian chuyển đổi lúc                                   | 16 ms                                                         |
| Thời gian bật                                              | 100%                                                          |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                                 | Xem cuộn điện từ, được đặt hàng riêng                         |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B2-L                                                |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -20 °C...60 °C                                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -20 °C...60 °C                                                |

| Đặc tính                | Giá trị                    |
|-------------------------|----------------------------|
| trọng lượng sản phẩm    | 428 g                      |
| Kiểu gắn                | với lỗ xuyên               |
| Kết nối lỗ mở thông khí | không được gom             |
| Cổng nối khí nén 1      | G1/4                       |
| Cổng nối khí nén 2      | cổng kết nối cho van NAMUR |
| Cổng nối khí nén 3      | G1/4                       |
| Cổng nối khí nén 4      | Sơ đồ kết nối NAMUR        |
| Cổng nối khí nén 5      | G1/4                       |
| Ghi chú vật liệu        | Tuân thủ RoHS              |
| Vật liệu của phốt       | NBR                        |
| Vật liệu vỏ             | Hợp kim nhôm rèn           |
| Vật liệu vít            | Thép mạ, kẽm               |